

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HÀ NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HÀ NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HÀ NAM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực Hà Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Lương thực Hà Nam (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động trên cơ sở tách Công ty Cổ phần Lương thực Hà Nam Ninh Theo Quyết định số 45/QĐ-HĐQT ngày 29/8/2008 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Lương thực Hà Nam Ninh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0700262353 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 07 tháng 10 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 25 tháng 01 năm 2016.

Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Lương thực Hà Nam

Tên Công ty viết bằng tiếng Anh là: Ha Nam Food Joint Stock Company,

Tên viết tắt: Vinafood 1 Ha Nam

Trụ sở Công ty tại Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, Việt Nam

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Bà Trần Thị Loan	Chủ tịch
Ông Phan Quang Khuê	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Quảng	Ủy viên bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Hải	Ủy viên miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2018

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này

Bà Trần Thị Loan	Tổng Giám đốc
Ông Phan Quang Khuê	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Quang Khuê

Phan Quang Khuê
Phó Tổng Giám đốc

Giấy ủy quyền số 01 ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Tổng Giám đốc
Hà Nam, ngày 20 tháng 02 năm 2019

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày 29-08-2019

Số chứng thực... 769. Quyền số 01 SCT/BS



CHỦ TỊCH
HỒ NGỌC TUYÊN

Số: 92/2019/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần Lương thực Hà Nam

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Lương thực Hà Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lương thực Hà Nam, được lập ngày 20 tháng 02 năm 2019, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phan Thanh Nam
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009 -2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2019/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2019 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2019

Nguyễn Ngọc Khánh

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2999 -2019-137-1

CHỨNG KIỆN
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày **29-08-2019**

Số chứng thực... **769**... Quyền số **01** SCT/BS



CHỦ TỊCH
HỒ NGỌC TUYÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HÀ NAM

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

	MS	TM	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		31.369.030.558	27.178.513.191
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	103.461.753	313.357.175
1. Tiền	111		103.461.753	313.357.175
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.000.000	16.915.119.608
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	1.098.551.065	16.499.078.465
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	15.000.000	1.413.760.100
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	933.150.090	1.096.982.198
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(2.031.701.155)	(2.094.701.155)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	31.233.788.407	9.933.256.010
1. Hàng tồn kho	141		31.233.788.407	9.933.256.010
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.780.398	16.780.398
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	421.984	421.984
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.418.941	3.418.941
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.11	12.939.473	12.939.473
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		15.185.824.668	16.151.286.362
II. Tài sản cố định	220		15.061.797.500	15.959.231.024
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	15.061.797.500	15.959.231.024
- Nguyên giá	222		22.524.724.251	22.524.724.251
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.462.926.751)	(6.565.493.227)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		124.027.168	192.055.338
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	124.027.168	192.055.338
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		46.554.855.226	43.329.799.553

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HÀ NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

	MS	TM	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		38.233.843.174	35.016.768.160
I. Nợ ngắn hạn	310		31.339.350.318	27.481.131.367
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	2.808.980.355	2.776.730.355
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	1.000.000	1.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	37.095.441	598.126.490
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.400.000	2.400.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	1.003.202.048	1.003.202.048
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	27.477.000.000	23.090.000.000
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		9.672.474	9.672.474
II. Nợ dài hạn	330		6.894.492.856	7.535.636.793
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	5.10	1.365.000.000	1.418.000.000
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.14	5.529.492.856	6.117.636.793
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		8.321.012.052	8.313.031.393
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.15	8.321.012.052	8.313.031.393
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		10.715.000.000	10.715.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		10.715.000.000	10.715.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.944.575.559	1.944.575.559
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(4.338.563.507)	(4.346.544.166)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(4.346.544.166)	(2.162.855.242)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.980.659	(2.183.688.924)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		46.554.855.226	43.329.799.553
(440 = 300+400)				

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 29-08-2019
Số chứng thực: 769... Quyền số 01/SCT/BS

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nam, ngày 20 tháng 02 năm 2019

Phó Tổng Giám đốc

Trương Thị Oanh

Trương Thị Oanh

Phan Quang Khuê



CHỦ TỊCH
HỒ NGỌC TUYÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HÀ NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.16	164.614.581.321	250.543.065.387
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		164.614.581.321	250.543.065.387
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	159.203.611.353	244.878.677.639
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		5.410.969.968	5.664.387.748
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	346.577	918.296
7. Chi phí tài chính	22	5.19	2.018.196.254	2.377.301.324
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.018.196.254	2.377.301.324
8. Chi phí bán hàng	25	5.20	11.100.000	251.112.956
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.20	3.367.497.579	3.011.181.132
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		14.522.712	25.710.632
11. Thu nhập khác	31	5.21	-	-
12. Chi phí khác	32	5.21	6.542.053	2.209.399.556
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(6.542.053)	(2.209.399.556)
14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	45			
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		7.980.659	(2.183.688.924)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.22	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		7.980.659	(2.183.688.924)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.23	7,45	(2.037,97)

CHỨNG THỰC
BẢN SẴO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 29-08-2019
Số chứng thực 764... Quyền số 01/SCT/BS

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nam, ngày 20 tháng 02 năm 2019

Phó Tổng Giám đốc

Trương Thị Oanh

Trương Thị Oanh

Phan Quang Khuê

CHỦ TỊCH
HỒ NGỌC TUYẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HÀ NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7.980.659	(2.183.688.924)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	897.433.524	986.682.448
- Các khoản dự phòng	03	(63.000.000)	(42.954.000)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(346.577)	2.208.481.260
- Chi phí lãi vay	06	2.018.196.254	2.377.301.324
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.860.263.860	3.345.822.108
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	16.837.119.608	(4.187.368.457)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(21.300.532.397)	(4.351.774.582)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(1.043.924.986)	(492.381.937)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	68.028.170	(38.619.343)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.018.196.254)	(2.377.301.324)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.597.241.999)	(8.101.623.535)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	1.178.134.545
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	346.577	918.296
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	346.577	1.179.052.841
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	100.518.670.000	110.116.507.500
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(96.131.670.000)	(104.102.107.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	4.387.000.000	6.014.400.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(209.895.422)	(908.170.694)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	313.357.175	1.221.527.869
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	103.461.753	313.357.175

**CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Người lập Ngày 29-08-2019 Kế toán trưởng

Số chứng thực 761. Quyền số SCT/BS

Hà Nam, ngày 20 tháng 02 năm 2019
Phó Tổng Giám đốc

Trương Thị Oanh

Trương Thị Oanh

Phan Quang Khuê



**CHỦ TỊCH
HỒ NGỌC TUYẾN**

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HÀ NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lương thực Hà Nam được thành lập và hoạt động trên cơ sở tách Công ty Cổ phần Lương thực Hà Nam Ninh Theo Quyết định số 45/QĐ-HĐQT ngày 29/8/2008 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Lương thực Hà Nam Ninh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0700262353 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 07 tháng 10 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 25 tháng 1 năm 2016.

Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Lương thực Hà Nam
Tên Công ty viết bằng tiếng Anh là: Ha Nam Food Joint Stock Company,
Tên viết tắt: VinaFood 1 Ha Nam,

Trụ sở Công ty tại Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Đăng ký kinh doanh tại thời điểm 31/12/2018 là 10.715.000.000 đồng

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (trừ thuốc lá và các sản phẩm thuốc lá nhập khẩu).
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, cửa hàng, kho tàng bến bãi
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
- Bán buôn hoa và cây
- Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác
- Bán buôn thóc giống, ngô giống các loại
- Mua bán giống cây trồng
- Sản xuất Plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
- Mua các các loại nguyên liệu, vật liệu nhựa và sản phẩm từ nhựa
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép
- Mua bán hàng may mặc
- Mua bán vải, bông vải sợi
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Mua bán vật liệu xây dựng gạch, ngói, xi măng, cát, đá, sỏi
- Mua bán gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh
- Mua bán kính xây dựng, sơn, vecni, vật tư thiết bị ngành nước
- Mua bán tre nứa, gỗ cây và gỗ chế biến
- Mua bán đồ ngũ kim
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HÀ NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Bán buôn đồ uống
- Mua bán đồ uống không có cồn
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
- Chăn nuôi gia cầm
- Chăn nuôi trâu, bò, chăn nuôi dê, cừu
- Chăn nuôi ngựa, lừa, la
- Chăn nuôi lợn
- Bán buôn thực phẩm
- Bán buôn gạo, thực phẩm, thịt và các sản phẩm từ thịt
- Bán buôn thủy sản, rau quả
- Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm từ sữa, cà phê, chè, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột
- Bán buôn thực phẩm khác
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
- Bán mô tô xe máy
- Kinh doanh lương thực, nông lâm, hải sản và vật tư nông nghiệp
- Xây dựng chế biến lương thực, nông sản, thực phẩm
- Xuất nhập khẩu lương thực, nông, lâm sản, vật tư nông nghiệp và hàng tiêu dùng
- Kinh doanh vật tư cơ khí, thiết bị các loại, vật tư cứu hộ, cứu nạn
- Liên kết Liên doanh với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh dịch vụ

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Kinh doanh các mặt hàng nông sản như thóc, ngô, khoai, sắn lát, phân bón, dịch vụ cho thuê kho, cửa hàng.....

1.3. Cấu trúc của Doanh nghiệp

Trong năm 2018, Công ty không có Công ty con và đơn vị trực thuộc.

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ, và ghi sổ bằng máy vi tính

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tiền và tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu (Tiếp theo)

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá xuất kho được áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013. Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 quy định về quản lý tài sản cố định.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HÀ NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2018
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc, thiết bị	15
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị dụng cụ quản lý	08 - 10

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động,...), Chi phí công cụ dụng cụ theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty hay Quyết định của đại hội cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, Viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HÀ NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	93.560.783	270.899.773
Tiền gửi ngân hàng	9.900.970	42.457.402
Tổng	103.461.753	313.357.175

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Lê Văn Truyền	602.200.000	602.200.000
Công ty CP Công nghệ môi Việt Hưng	496.351.065	496.351.065
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	-	4.249.575.000
Cty TNHH Minh Thu	-	10.197.207.400
Công ty CP Thương mại Minh Khai	-	953.745.000
Tổng	1.098.551.065	16.499.078.465

5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty TNHH Minh Thu	-	1.398.340.100
Đối tượng khác	15.000.000	15.420.000
Tổng	15.000.000	1.413.760.100

5.4 Các khoản phải thu khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	933.150.090	933.150.090	1.096.982.198	996.150.090
- Phải thu khác	933.150.090	933.150.090	996.982.198	996.150.090
UBND xã Trảng An				
- Bình Lục - Hà Nam	184.125.635	184.125.635	184.125.635	184.125.635
Nguyễn Duy Hồng	749.024.455	749.024.455	812.024.455	812.024.455
Khoản khác	-	-	832.108	-
- Ký quỹ ký cược ngắn hạn	-	-	100.000.000	-
Tổng	933.150.090	933.150.090	1.096.982.198	996.150.090

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HÀ NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.5 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	2.031.701.155	-	2.094.701.155	-

Trong đó:

	Quá hạn trên 6 tháng	Quá hạn trên 1 năm	Quá hạn trên 2 năm	Quá hạn trên 3 năm
Phải thu khách hàng	-	-	-	1.098.551.065
Lê Văn Tuyển	-	-	-	602.200.000
Công ty CP Công nghệ mới Việt Hưng	-	-	-	496.351.065
Phải thu khác	-	-	-	933.150.090
UBND xã Trảng An, Bình lục, Hà Nam	-	-	-	184.125.635
Nguyễn Duy Hồng	-	-	-	749.024.455
Tổng	-	-	-	2.031.701.155

5.6 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	-	-	11.918.448	-
Hàng hóa	31.233.788.407	-	9.921.337.562	-
Tổng	31.233.788.407	-	9.933.256.010	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỨC HÀ NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.7 Tài sản cố định hữu hình

		Mẫu B 09-DN			
		Đơn vị tính: VND			
		Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý
	Tổng				
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2018		18.800.634.817	2.361.627.594	1.127.150.023	235.311.817
Số dư tại 31/12/2018		18.800.634.817	2.361.627.594	1.127.150.023	235.311.817
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2018		4.578.105.880	926.172.190	939.900.838	121.314.319
Tăng trong năm		664.471.180	155.816.660	59.809.320	17.336.364
Khấu hao trong năm		664.471.180	155.816.660	59.809.320	17.336.364
Số dư tại 31/12/2018		5.242.577.060	1.081.988.850	999.710.158	138.650.683
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2018		14.222.528.937	1.435.455.404	187.249.185	113.997.498
Tại 31/12/2018		13.558.057.757	1.279.638.744	127.439.865	96.661.134

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là: 1.713.858.703 đồng.

Giá trị còn lại Tài sản cố định đem đi thế chấp các khoản 15.061.797.503 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HÀ NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.8 Chi phí trả trước

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	421.984	421.984
Chi phí khác	421.984	421.984
Dài hạn	124.027.168	192.055.338
Chi phí sửa chữa văn phòng	111.442.168	171.080.338
Chi phí sửa chữa xe ô tô	12.585.000	20.975.000
Tổng	124.449.152	192.477.322

5.9 Phải trả người bán

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	2.808.980.355	2.808.980.355	2.776.730.355	2.776.730.355
Lê Hồng Vọng	2.400.000.000	2.400.000.000	2.400.000.000	2.400.000.000
Công ty TNHH Xuân quý	349.230.355	349.230.355	349.230.355	349.230.355
Các đối tượng khác	59.750.000	59.750.000	27.500.000	27.500.000
Tổng	2.808.980.355	2.808.980.355	2.776.730.355	2.776.730.355

5.10 Người mua trả tiền trước

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	1.000.000	1.000.000
Đối tượng khác	1.000.000	1.000.000
Dài hạn	1.365.000.000	1.418.000.000
Công ty TNHH Vạn Lợi	1.200.000.000	1.250.000.000
Công ty TNHH Minh Thu	45.000.000	-
Cty TNHH TM & DV Kiên Cường HB	120.000.000	168.000.000
Tổng	1.366.000.000	1.419.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HÀ NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.11 Thuế và các khoản nộp Nhà nước

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	<i>Đơn vị tính: VND</i> 31/12/2018
Phải nộp	598.126.490	467.953.554	1.028.984.603	37.095.441
Thuế giá trị gia tăng	532.732.006	56.216.906	551.853.471	37.095.441
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	407.736.648	407.736.648	-
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	65.394.484	-	65.394.484	-
Phải thu	12.939.473	-	-	12.939.473
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.939.473	-	-	12.939.473

5.12 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Ngắn hạn	1.003.202.048	1.003.202.048
Phải trả, phải nộp khác	1.003.202.048	1.003.202.048
Thuế thu nhập cá nhân hoàn lại	14.475.889	14.475.889
Phải trả, phải nộp khác	988.726.159	988.726.159
Tổng	1.003.202.048	1.003.202.048

5.13 Vay và nợ thuế tài chính

Đơn vị tính: VND

Vay ngắn hạn	31/12/2018		Phát sinh trong năm		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	27.477.000.000	27.477.000.000	100.518.670.000	96.131.670.000	23.090.000.000	23.090.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Hà Nam (1)	15.217.000.000	15.217.000.000	40.058.670.000	47.931.670.000	23.090.000.000	23.090.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam (2)	12.260.000.000	12.260.000.000	60.460.000.000	48.200.000.000	-	-
Tổng	27.477.000.000	27.477.000.000	100.518.670.000	96.131.670.000	23.090.000.000	23.090.000.000

(1) Khoản vay Ngân hàng NN & PT Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam:

Hợp đồng tín dụng số 2900LAV201800523 ngày 28/09/2018

Mục đích vay: thanh toán tiền mua gạo cho Công ty TNHH TM Chương Tho theo hợp đồng kinh tế số 52/2018/HĐKT ngày 15/09/2018, hòa đơn số 00000697 ngày 27/09/2018.

Thời hạn vay 06 tháng.

Thời hạn trả nợ: ngày 28/03/2019, trả nợ gốc 01 lần.

Lãi suất: 8,5%/ năm.

(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam.

Hợp đồng tín dụng số 04/2018-HĐCVTL/NHCT384-LUONGTHUC ngày 28/09/2018, số dư khoản vay: 10.000.000.000 đồng.

Mục đích vay: thanh toán tiền mua gạo tẻ miền Nam cho Công ty TNHH TM Chương Tho theo hợp đồng mua bán số 51/2018/HĐKT ngày 10/09/2018

Giấy nhận nợ số 01 ngày 28/09/2018, thời hạn vay 04 tháng

Thời hạn trả nợ: ngày 28/01/2019, trả nợ gốc 01 lần

Lãi suất: 7,5%/ năm.

Hợp đồng tín dụng số 05/2018-HĐCVTL/NHCT384-LUONGTHUC ngày 29/11/2018, số dư khoản vay: 2.260.000.000 đồng

Mục đích vay: thanh toán tiền mua gạo trắng Việt Nam xuất khẩu 5% tằm cho Công ty TNHH Cao Minh Long Xuyên

Thời hạn vay 02 tháng từ ngày giải ngân, Thời hạn trả nợ: ngày 29/01/2019, trả nợ gốc 01 lần, Lãi suất: 7,5%/ năm.

Tài sản thế chấp khoản vay là 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 229891, BB 229892 cùng tại địa chỉ số 64 B đường Lê Lợi, phường Lương Khánh Thiện, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, với giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất là 15.061.797.503 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HÀ NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.14 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Dài hạn	5.529.492.856	6.117.636.793
Công ty TNHH Phúc Thành	331.765.580	345.970.124
Công ty CP ĐT TM DV Thành Đạt	-	-
Hiệu sách Nhân dân	1.163.636.364	1.212.121.215
Nguyễn Thị Dung	3.863.636.361	4.290.909.090
Nguyễn Trung Kiên	170.454.551	268.636.364
Tổng	5.529.492.856	6.117.636.793

5.15 Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2017	10.715.000.000	1.944.575.559	(2.162.855.242)	10.496.720.317
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	2.183.688.924	2.183.688.924
Lỗi trong năm	-	-	2.183.688.924	2.183.688.924
Số dư tại 31/12/2017	10.715.000.000	1.944.575.559	(4.346.544.166)	8.313.031.393
Số dư tại 01/01/2018	10.715.000.000	1.944.575.559	(4.346.544.166)	8.313.031.393
Tăng trong năm	-	-	7.980.659	7.980.659
Lỗi trong năm	-	-	7.980.659	7.980.659
Số dư tại 31/12/2018	10.715.000.000	1.944.575.559	(4.338.563.507)	8.321.012.052

a. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Bà Trần Thị Loan	6.813.600.000	5.959.670.000
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	3.857.400.000	3.857.400.000
Vốn góp của cổ đông khác	44.000.000	897.930.000
Tổng	10.715.000.000	10.715.000.000

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	10.715.000.000	10.715.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	10.715.000.000	10.715.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HÀ NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**c. Cổ phiếu**

	31/12/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.071.500	1.071.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.071.500	1.071.500
Cổ phiếu phổ thông	1.071.500	1.071.500
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.071.500	1.071.500
Cổ phiếu phổ thông	1.071.500	1.071.500
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.16 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	164.614.581.321	250.543.065.387
Doanh thu thuần	<u>164.614.581.321</u>	<u>250.543.065.387</u>

5.17 Giá vốn hàng bán

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	159.203.611.353	244.878.677.639
Tổng	<u>159.203.611.353</u>	<u>244.878.677.639</u>

5.18 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	346.577	918.296
Tổng	<u>346.577</u>	<u>918.296</u>

5.19 Chi phí tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	2.018.196.254	2.377.301.324
Tổng	<u>2.018.196.254</u>	<u>2.377.301.324</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HÀ NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.20 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí bán hàng	11.000.000	251.112.956
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.000.000	242.000.000
Chi phí bằng tiền khác	-	9.112.956
Chi phí quản lý	3.367.497.579	3.011.181.132
Chi phí nhân viên quản lý	1.442.233.106	1.328.858.819
Chi phí vật liệu quản lý	-	10.921.984
Chi phí đồ dùng văn phòng	30.948.144	
Chi phí khấu hao TSCĐ	897.433.524	986.682.448
Thuế phí và lệ phí	313.399.088	
Hoàn nhập dự phòng	(63.000.000)	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.509.091	243.264.133
Chi phí bằng tiền khác	710.974.626	441.453.748

5.21 Thu nhập khác (+)/ Lỗ khác (-)

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí khác		
Lỗ thanh lý tài sản	-	2.209.399.556
Chi phí khác	6.542.053	-
Tổng	6.542.053	2.209.399.556
Thu nhập khác/Lỗ khác (thuần)	(6.542.053)	(2.209.399.556)

5.22 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	7.980.659	(2.183.688.924)
Thu nhập chịu thuế	7.980.659	(2.183.688.924)
Lỗ kỳ trước chuyển sang	(7.980.659)	-
Thu nhập tính thuế TNDN	-	(2.183.688.924)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Tổng	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HÀ NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.23 Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	7.980.659	(2.183.688.924)
Các khoản điều chỉnh		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	7.980.659	(2.183.688.924)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	1.071.500	1.071.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	7,45	(2.037,97)

5.21 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	30.948.144	10.921.984
Chi phí nhân công	1.442.233.106	1.328.858.819
Chi phí khấu hao tài sản cố định	897.433.524	986.682.448
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.509.091	485.264.133
Chi phí khác bằng tiền	961.373.714	400.231.579
Tổng	3.378.497.579	3.211.958.963

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HÀ NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và cổ đông

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Hội đồng Quản trị	Điều hành Công ty	Thù lao	33.000.000	66.000.000
Ban điều hành	Điều hành Công ty	Lương	180.814.423	262.763.955
Tổng			213.814.423	328.763.955

Các giao dịch khác

Mua hàng	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Công ty Cổ phần Lương thực Nam Định	Công ty con của Tổng Công ty	Tiền hàng	-	28.417.207.500
Công ty Cổ phần Lương thực Thanh Hóa	Cổ đông lớn của Tổng Công ty	Tiền hàng	5.033.040.000	-
Bán hàng	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	Cổ đông lớn	Tiền hàng hóa	27.874.920.000	11.706.510.000

6.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán.

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nam, ngày 20 tháng 02 năm 2019

Phó Tổng Giám đốc





Trương Thị Oanh

Trương Thị Oanh

Phan Quang Khuê



**CHỦ TỊCH
HỒ NGỌC TUYÊN**